

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2018/
HNGĐ-ST.
Ngày: 23 /10 /2018.
V/v: Kiện xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH.

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- + Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân
- + Hội thẩm Nhân dân:
 - 1. Bà Nguyễn Thị Hải;
 - 2. Ông Nguyễn Xuân Thịnh.

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 207/2018/TLST– HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018, về việc: Kiện xin ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/10/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Phan Thanh T**, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Q, có mặt.

Bị đơn: Chị **Dương Thị H**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện B, tỉnh Q,

Nơi tạm trú: Số 1011, ấp T, xã L, huyện C, tỉnh L, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đã được bổ sung tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa anh Phan Thanh T trình bày như sau: Anh Phan Thanh T và chị Dương Thị H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P ngày 11/10/2006 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và chị H đã có người đàn ông khác. Hai anh, chị sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Hiện tình cảm anh, chị không còn, nên anh T làm đơn xin ly hôn chị H.

Trong đơn trình bày và Đơn xin vắng mặt bị đơn chị Dương Thị H trình bày như sau: Chị H và anh T tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Q ngày 11/10/2006. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã to tiếng khiến cuộc sống hết sức căng thẳng. Đến cuối năm 2008 vợ, chồng sống ly thân cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh T xin ly hôn, chị H đồng ý

Về con chung, tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Xin được ly hôn với chị H. Quá trình giải quyết vụ án chị H không thay đổi ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thẩm quyền: Tranh chấp phát sinh giữa anh Phan Thanh T và chị Dương Thị H là tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách đã tiến hành đầy đủ các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Chị H đã có đơn trình bày và có đơn xin vắng mặt (Có xác nhận của chính quyền địa phương), nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định của pháp luật theo thủ tục chung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Thanh T và chị Dương Thị H yêu nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Q vào năm 2006, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, đúng pháp luật, đáng lẽ anh, chị phải sống hạnh phúc như bao cuộc hôn nhân khác nhưng do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài; hai anh, chị đã sống ly thân trong thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh T ly hôn chị H là có căn cứ.

[4]Về con chung, tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5] Về án phí vụ: Án phí vụ kiện 300.000 đồng anh T phải nộp để sung công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

[6]Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ vợ chồng:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phan Thanh T, xử cho anh **Phan Thanh T** ly hôn chị **Dương Thị H**.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

3. Tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Án phí ly hôn anh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) để

sung công quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai số 0002943 ngày 19/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Anh T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/10/2018); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Quảng Bình;
- VKS Bố Trạch (2 bản);
- Chi cục T.H.A DS Bố Trạch;
- Anh Phan Thanh T;
- Chị Dương Thị H;
- UBND xã P (để biết);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu T.A.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm Nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

1.

2.

Nguyễn Văn Nghĩa.